SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

Số: 461/KNN/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

VLAT 1.050 ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	4	6	1	2	3

1.	Tên mẫu: **Nước máy** Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Name of sample)* *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Sample taking institution)* *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Đồng hồ Sông Hồng** *(Manufacturer)*
5.	Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Manager of manufacture)* *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu:**19/7/23** Ngày phân tích: **19-25/7/23** Ngày trả kết quả: **27/7/23** *(Date of sample)* *(Work day)* *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
	KẾT LUẬN *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg-Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
10.	**GIÁM ĐỐC** *(Director)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI – TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI **Bùi Thị Tố Tâm**
	PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN *(Vice-head of laboratory)* **Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI**

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,81	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP-28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích
- KPH: Không phát hiện

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 460/KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	4	6	0	2	3

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu:**19/7/23** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **19-25/7/23** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **27/7/23** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
	KẾT LUẬN *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
10.	**GIÁM ĐỐC** *(Director)* — KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI — Bùi Thị Tố Tâm — **PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI**

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

Số: 459/KNN/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	*0*	*4*	*5*	*9*	*2*	*3*

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Bể chứa Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu:**19/7/23** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **19-25/7/23** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **27/7/23** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
	KẾT LUẬN *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
10.	**GIÁM ĐỐC** *(Director)* — KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC — TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI — Bùi Thị Tố Tâm — **PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)* — **Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI**

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,72	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP-28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích
- *KPH: Không phát hiện*

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

Số: 441/KNN/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	4	4	1	2	3

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Đồng hồ Sông Hồng** *(Manufacturer)*
5.	Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu:**04/7/23** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **04- 08/7/23** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **12/7/23** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
	KẾT LUẬN *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
10.	**GIÁM ĐỐC** *(Director)* — **PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)*

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Tố Tâm

Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,70	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP-28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích
- *KPH: Không phát hiện*

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

Số: 440/KNN/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	4	4	0	2	3

1. Tên mẫu: **Nước máy** (*Name of sample*) — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** (*Trade, mark of sample*)
2. Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** (*Condition of sample*)
3. Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** (*Sample taking institution*) — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** (*Unit of product/sample*)
4. Cơ sở sản xuất: **Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất** (*Manufacturer*)
5. Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** (*Manager of manufacture*) — ĐT/Fax: **0255 3610159** (*Telephone number*)
6. Ngày nhận mẫu:**04/7/23** (*Date of sample*) — Ngày phân tích: **04- 08/7/23** (*Work day*) — Ngày trả kết quả: **12/7/23** (*Date of result*)
7. Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** (*Testing mandate*)
8. Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** (*Sample detaining duration from to*)

KẾT LUẬN
(Conclusion)

Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

10.

GIÁM ĐỐC (*Director*)	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** (*Vice-head of laboratory*)
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI Bùi Thị Tố Tâm	Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,86	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP-28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,4	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích
- *KPH: Không phát hiện*

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM K.S BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 439KNN/2023

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2023

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TESTING FORM)
(CHỈ CÓ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI MẪU THỬ ĐÃ MÃ HÓA BÊN DƯỚI)

Trung tâm K.S Bệnh Tật tỉnh Q Ngãi, ĐC: 64 Đường Bùi Thị Xuân
TpQuảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT:(0255)3 829213/Fax: 3827085

MÃ SỐ MẪU:

H-VSN	0	4	3	9	2	3

1.	Tên mẫu: **Nước máy** *(Name of sample)* — Nhãn hiệu mẫu: **Không có** *(Trade, mark of sample)*
2.	Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa có nút vặn kín.** *(Condition of sample)*
3.	Cơ quan lấy/gửi mẫu: **TTKSBT** *(Sample taking institution)* — Đơn vị sản phẩm/mẫu: **Khoảng 1.5 lít** *(Unit of product/sample)*
4.	Cơ sở sản xuất: **Bể chứa Dung Quất** *(Manufacturer)*
5.	Chủ cơ sở: **Công ty CP VINACONEX Dung Quất** *(Manager of manufacture)* — ĐT/Fax: **0255 3610159** *(Telephone number)*
6.	Ngày nhận mẫu:**04/7/23** *(Date of sample)* — Ngày phân tích: **04- 08/7/23** *(Work day)* — Ngày trả kết quả: **12/7/23** *(Date of result)*
7.	Yêu cầu kiểm nghiệm: **Lý hóa-vi sinh.** *(Testing mandate)*
8.	Thời gian lưu mẫu: **Không lưu mẫu.** *(Sample detaining duration from to)*
	KẾT LUẬN *(Conclusion)* **Các thông số kiểm tra đạt yêu cầu theo QCĐP 01:2023/QNg- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

10.	**GIÁM ĐỐC** *(Director)*	**PHÓ TRƯỞNG KHOA XN- CĐHA-TDCN** *(Vice-head of laboratory)*
	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NGÃI Bùi Thị Tố Tâm	Ks. TRẦN THỊ KIM TÀI

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Testing result)

TT	Tên thông số (Parameters)	Đơn vị tính (Unit)	Quy định (ALQ)	Kết quả (Result)	Phương pháp thử (Testing method)
1	Màu sắc (độ Coban)	TCU	≤15	0,00	TCVN 6185:1996 ISO 7887:1985(E)
2	Mùi, vị (ở 20^0C và 60^0C)	-	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	TCVN 2653-78
3	Độ đục(*)	NTU	≤2	≤0,3	TCVN 6184:2008 ISO 7027:1999 (E)
4	pH (*)	-	6,0 – 8,5	6,79	TCVN 6492: 2011
5	Hàm lượng Asen tổng số(**)	mg/l	≤0,01	KPH (LOD=0,0003)	TS-KT-QP-28:2021
6	Hàm lượng Clo dư	mg/l	0,2 – 1,0	0,5	TCVN 2673-78
7	Coliform (*)	CFU/100ml	<3	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019
8	E. Coli (*) hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100ml	<1	KPH (LOD=1)	TCVN 6187-1:2019

*Ghi chú : (*) : Thông số đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017*
(**) : Thông số nhà thầu phụ phân tích
- *KPH: Không phát hiện*

Lưu ý: *Nếu có lưu mẫu: Hết thời gian lưu mẫu, người gửi mẫu không đến nhận lại thì Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được quyền thanh lý mẫu theo quy định.*